QUAN HỆ GIỮA VƯƠNG QUỐC RYUKYU VÀ TRIỀU TIÊN THẾ KỶ XV-XVII

NGUYỄN VĂN KIM*
NGUYỄN MẠNH DŨNG**

Các bài viết trước, chúng tôi đã đề cập đến quan hệ của vương quốc Ryukyu (Lưu Cầu) với các nước Đông Nam Á, Nhật Bản và Trung Quốc (1). Trong bài viết này, chúng tôi xin được tiếp tục khảo cứu bước đầu quan hệ giữa vương quốc Ryukyu và Triều Tiên thế kỷ XV - XVII.

1. Quan hệ Ryukyu - Triều Tiên trong bối cảnh khu vực thế kỷ XIV-XV

Là một quốc đảo trên biển Thái Bình Dương, Ryukyu có diện tích nhỏ hẹp, ngoài những nguồn lợi từ môi trường kinh tế biển, nước này không có được những nguồn tài nguyên phong phú trong đó bao gồm cả đất canh tác nông nghiệp. Tuy nhiên, do nằm ở vị trí giao lộ của nhiều tuyến hải thương nối kết giữa hai khu vực Đông Bắc Á với Đông Nam Á và ở gần kề các trung tâm kinh tế lớn của khu vực nên Ryukyu là nước giàu tiềm năng trong việc phát triển nền kinh tế thương mại biển. Trong khoảng 2 thế kỷ, mặc dù là một nước nhỏ nhưng vương quốc này đã trở thành một trung tâm kinh tế năng động.

Vào thế kỷ XIV, song song với việc mở rộng quan hệ thương mại, quá trình thống nhất dân tộc cũng đã diễn ra mạnh mẽ trên đảo quốc này. Đến năm 1429, do có khả năng tổ chức và sức mạnh quân sự mà Sho Hashi (1372-1439), vua của vương quốc Chuzan (Trung Sơn) đã chinh phục được hai vương quốc khác là Nanzan (Nam Sơn), Hokuzan (Bắc Sơn), thống nhất được toàn bộ quần đảo. Về đối ngoại, ông vẫn theo đuổi chính sách thần thuộc nhà Minh và chủ trương tăng cường quan hệ với Trung Quốc. Học tập chế độ quản lý kinh tế của Trung Quốc, chính quyền Ryukyu chủ trương tất cả thương thuyền đi ra nước ngoài đều phải có giấy phép (*shissho*) do triều đình ban cấp, những thuyền không có giấy phép đều bị coi là thuyền hoạt động bất hợp pháp và có thể bị tịch thu.

Trong quá trình thiết lập và mở rộng quan hệ với các quốc gia khu vực Đông Bắc Á, điều hiển nhiên Ryukyu hiểu rõ tầm thế của Trung Quốc và Nhật Bản nhưng mặt khác cũng muốn xác lập quan hệ bang giao và thương mại với Triều Tiên. Đồng thời, dựa trên cơ sở hệ thống buôn bán của thương nhân Trung Hoa và tiếp thu kinh nghiệm của họ, triều đình Shuri đã sớm

* TS. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHGQHN.
** Viện Sử học.

thiết lập được các hoạt động thương mại và giao lưu với nhiều quốc gia Đông Nam Á. Trong các mối quan hệ đa dạng đó, *hoạt động ngoại thương luôn đi trước một bước và gắn bó mật thiết với các mối quan hệ bang giao và giao lưu văn hóa*.

Trong khi đó ở Triều Tiên, sau khi vương triều Choson (1392-1910) được thiết lập năm 1392, quyền lực chính trị của đất nước thực chất nằm trong tay của thế lực "Khai quốc công thần". Họ chính là những người đưa ra và quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước nhưng lại luôn có xu hướng chống lại sự thay đổi. Đối lập với giới công thần là đội ngũ dông đảo những tầng lớp quan lại mới, lấy học thuyết Tân Khổng giáo làm nền tảng tư tưởng. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền hải thương châu Á và những biến chuyển trong môi trường chính trị khu vực thế kỷ XV-XVI, những người có tư tưởng tiến bộ ở Triều Tiên đòi hỏi triều đình phải mở cửa hơn nữa để hội nhập vào hệ thống thương mại khu vực.

Từ cuối thế kỷ XV, mặc dù trong triều luôn diễn ra những cuộc tranh chấp giữa các phe phái nhưng quan hệ giữa Triều Tiên, Nhật Bản, Trung Quốc vẫn được duy trì. Triều Tiên vẫn dự nhập vào hệ thống thương mại châu Á với chính sách của một số vị quốc vương có tầm nhìn xa rộng (2). Từ giữa thế kỷ XVI, cùng với sự thâm nhập của người châu Âu, các mối quan hệ truyền thống giữa các nước Đông Bắc Á và Đông Nam Á cũng có sự biến động mạnh mẽ, đặc biệt trong kinh tế hải thương. Các nước đó, vừa cạnh tranh, tranh giành ảnh hưởng với nhau vừa sử dụng sức mạnh quân sự để đe dọa và thâm nhập vào thị trường khu vực. Trước tình hình đó, Triều Tiên ngày càng nhận thức rõ hơn vai trò của Trung Quốc trong các mối quan hệ chính trị, kinh tế ở Đông Á, đặc biệt là mưu đồ thôn tính của Nhật Bản đã thể hiện rõ qua 2 lần xâm lược Triều Tiên cuối thế kỷ XVI.

Có thể thấy, ngay cả trong những thời điểm khu vực Đông Bắc Á diễn ra biến động chính trị lớn, chính sách đối ngoại xuyên suốt của vương triều Choson là "*sadae-kyorin*" tức là: Thần phục nước lớn và quan hệ láng giềng (3). Về mặt ngoại giao, có thể phân biệt chính sách đó bao gồm hai cấp độ. Trước hết đối với nhà Minh, Triều Tiên thực thi "*sadae*" (thần phục), còn với Nhật Bản, Ryukyu... là chính sách "*kyorin*" (giao lân - bang giao láng giềng). Trên thực tế, sự phân biệt trên đây chỉ mang tính chất tương đối bởi triều đình Choson hiểu rất rõ chỉ thông qua quan hệ với nhà Minh và dựa vào triều đại này mới có thể thiết lập quan hệ ngoại giao "bình đẳng" với Nhật Bản. Điều cần lưu ý ở đây là, *Choson cũng xác biệt quan hệ bang giao với Nhật Bản, Ryukyu và các nước khác theo thứ bậc của hệ thống do Trung Quốc đề ra*. Trong hệ thống đó, Triều Tiên luôn có vị trí cao nhất trong số các quốc gia thần thuộc.

2. Quan hệ thương mại và văn hóa Ryukyu - Triều Tiên

Trong quan hệ giữa các quốc gia khu vực Đông Bắc Á, cùng với những vật phẩm dùng để cống nạp triều đình Trung Quốc, mỗi khi các sứ đoàn Triều Tiên, Ryukyu... đến Nam Kinh (1368-1421) hoặc Bắc Kinh (1421-1644), sứ bộ còn đem theo những sản phẩm hàng hóa được sử dụng vào mục đích thương mại. Theo đó, quan hệ thương mại giữa Ryukyu với Triều Tiên cũng được chính quyền hai nước rất chú trọng và luôn kết hợp chặt chẽ với các hoạt động ngoại giao và giao lưu văn hóa. Trong bức thư đầu tiên viết năm 1431, triều đình Shuri một mặt thể hiện mục đích thiết lập quan

hệ bang giao với Triều Tiên, mặt khác cũng nêu rõ động cơ thương mại của mình. Bức thư của Ryukyu gửi triều đình Choson có đoạn viết:

"Thượng Ba Chí, vua Trung Sơn, nước Lưu Cầu, khắc ghi đến việc lễ nghĩa. Xét rằng từ thời Hồng Vũ đến Vĩnh Lạc, trải từ các đời ông và cha chúng tôi [kể từ thời cầm quyền của ông và cha chúng tôi], đã cử nhiều sứ đoàn và không chậm trễ bày tỏ mối giao hảo thâm tình đó. Hơn nữa, chúng tôi cũng đã đón tiếp các sứ bộ của Quý quốc đến đất nước chúng tôi đều đặn và tặng cho họ những vật phẩm quý hiếm. Nhưng rồi, quan hệ giữa hai nước chúng ta đã bị gián biệt nhiều năm, vì ở nước chúng tôi không có người thông thạo đường biển. Chúng tôi hết sức mong muốn duy trì quan hệ với các nước láng giềng khác, biểu thị sự tôn trọng bổn phận của nhau, trao đổi các sứ đoàn và giao thiệp, nhờ đó mà sự giao hảo của chúng ta sẽ trở nên tốt đẹp hơn.

...

Chúng tôi cầu mong sự rộng lượng của Quý quốc trước hết về vấn đề thương mại đối với những hàng hóa mà sứ đoàn mang theo...

Mạn phép ghi nhận dưới đây một vài tặng phẩm và xin được hạ bút.

Tặng vật gồm: Gỗ nhuộm vải: 2.000 cân; Phèn chua: 100 cân

Chánh sứ: Kaniku; Phó sứ: Gibu Utchi

Kính trình lên quốc vương Choson

Tuyên Hoàng lục niên lục nguyệt thập cửu nhật (6-6-19, tức ngày 27 tháng 7 năm 1431)" (4).

Như vậy, các sứ đoàn của vương quốc Ryukyu trong khi đi sứ sang Trung Quốc, Triều Tiên... ngoài các trách nhiệm chính trị, ngoại giao cũng thường phải đảm trách thêm các mục tiêu thương mại và phát triển quan hệ kinh tế. Trong quan hệ với Trung Quốc, sự phong phú, đa dạng của những cống vật hay quà tặng "thiên triều" đã chứng tỏ các mối quan hệ đa dạng trong bang giao quốc tế. Với tư cách là nước thần thuộc Trung Hoa, cùng với những sản phẩm thương mại, nhiều tặng phẩm mà Ryukyu nhận được từ Trung Quốc đã có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình mở rộng quan hệ với Triều Tiên. Nhiều vật phẩm có mặt trong các sứ đoàn Ryukyu sang Triều Tiên và ngược lại những sản vật buôn bán của Triều Tiên cũng có trong danh mục các lễ vật gửi tặng vương quốc Ryukyu.

Từ thế kỷ XVI, trong bối cảnh hệ thống thương mại châu Á không ngừng được mở rộng, thương thuyền của Ryukyu cũng đem đến các nước Đông Nam Á một số sản phẩm thủ công nghiệp của mình. Nhưng để khẳng định vị thế thương mại và để bổ sung cho những nguồn hàng thiếu hụt, Ryukyu cũng phải nhập từ Trung Quốc nhiều loại sản phẩm có giá trị cao trên thị trường lúc bấy giờ: Gốm sứ, tơ lụa, gấm satin, tiền đồng, sắt, thuốc chữa bệnh, hạt xạ hương, hạt giống... Bên cạnh đó, nước này cũng nhập về từ Nhật Bản: Kiếm, áo giáp, cung tên, bình phong, quạt, đồ sơn mài, vàng... Ngược lại, khi các đoàn thuyền buôn từ Đông Nam Á trở về nước, thương nhân Ryukyu cũng thường đem theo nhiều đặc sản khu vực như: Gỗ nhuộm vải (*sapanwood*), hồ tiêu, đàn hương, bông và vải bông của Bengal, nước hoa hồng, gỗ mun, đá mã não, ngà voi, sừng tê giác, động vật lạ, gỗ đóng thuyền, nhạc cụ, nước hoa, san hô, chì, rượu, thuốc phiện, các sản phẩm nghệ thuật, thủ công nghiệp khác của Đông Nam Á và Tây Nam Á... Các loại hàng này được tập trung về cảng Naha của Ryukyu, sau đó thuyền buôn Ryukyu

thường chất thêm hàng địa phương và tái xuất sang Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên hay dùng làm vật phẩm cống nạp.

Chúng ta có thể hiểu được một phần các mối quan hệ đa dạng, phức tạp đó qua một số nguồn sử liệu đặc biệt là các văn thư ngoại giao. Trong bức thư của triều đình Choson gửi chính quyền Shuri năm 1467 đã ghi rõ số quà tặng đặc biệt phong phú và có giá trị với số lượng tới 31 chủng loại như: Bạch tế trữ bố, hắc tế ma bố, bạch tế miên bố, báo bì, hổ bì, nhân sâm, họa cổ, chính bố, miên bố, ngọc đoản châu... Đây cũng là bức thư có lượng quà tặng nhiều nhất được ghi lại trong *Rekidai hoan* (5). Thực ra, ngoài nội dung kinh tế, văn thư của vương triều Choson gửi sứ đoàn Ryukyu mang về nước năm 1467 không có gì thật đặc biệt nhưng trong thư phúc đáp chính quyền Triều Tiên cũng ghi cụ thể: "...những con vẹt và chim công... thu được ở vùng đất ngoại, và đã từng được các thương nhân mang đến *gần đây*, cùng với sách, rượu và những thứ khác...". Những thông tin đó cho ta thấy phần nào sự phong phú của các vật phẩm trao đổi. Trong nguồn sử liệu Triều Tiên *Thế Tông thực lục* (*Sejo shillok*) tập 32, vào năm Thế Tông thứ 13 có ghi rằng: "Trước đây vua Sejo (Thế Tông, cq: 1456-1468) có yêu cầu được tặng vẹt, chim công và năm 1467, sứ đoàn của Dosho Tokon (vốn là một nhà tu sĩ người Nhật nhưng được cử sang Triều Tiên dưới danh nghĩa phái bộ của nước Ryukyu) đã trình lên đức vua: Chim vẹt, hổ tiêu, những con công lớn, sừng tê, sách, rượu Ấn Độ... Mặt khác, trong *Trung Sơn thế phổ* (*Chuzan seifo*) chép rằng cũng chính năm này (1467), Thế Tông còn biếu quốc vương Sho Toku của Ryukyu bộ kinh Phật *Daizokyo* (6).

Trong quan hệ với Ryukyu, mặc dù số quà tặng thường xuyên của Triều Tiên là nhân sâm nhưng các bản sao của bộ kinh Phật mới chính là những tặng vật có giá trị. Thống kê trong *Lịch đại bảo án* về quà tặng năm 1467 của Triều Tiên ta thấy, triều đình Choson đã tặng chính quyền thành Shuri "tôn kính" 35 bản sao các bộ kinh chữ Hán có niên đại từ giữa thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVI. Trong số đó có những tác phẩm như: *Kim Cương kinh, Pháp Hoa kinh, Kim Cương kinh trị văn tông kính, Đại bi tâm kinh, Kim Cương kinh ngũ gia giới, Đạo đức kinh, Kim Cương kinh trị văn tông kính, A Di Đà kinh sơ, Tâm kinh*... trong số đó còn có bộ *Daizokyo* cổ được san định từ thời Koryo (Triều Tiên, 918-1392).

Cùng với kinh Phật, phía Ryukyu cũng luôn đề nghị được tặng tượng Phật. Vào thời gian này, chính quyền Shuri cho xây dựng nhiều chùa trên khắp cả nước nên nhu cầu có được những bộ tượng Phật từ Triều Tiên để bài trí và thờ phụng trong các ngôi chùa là rất lớn. Đây có thể là những quà tặng có giá trị nhất đối với triều đình Shuri và giới tăng lữ, tín đồ Phật giáo Lưu Cầu. Trong bối cảnh Phật giáo được tôn vinh và ngày càng có nhiều ảnh hưởng trong xã hội, việc xây dựng một hệ thống giáo lý Phật giáo hoàn thiện rất được chính giới Ryukyu chú trọng. Phật giáo đã phát triển huy hoàng dưới sự bảo trợ của Hoàng gia. Trong một bức thư vương triều Ryukyu gửi triều đình Choson ngày 23-8-1499 (năm *Hung-ch'ih*, tức năm Hoằng Trị 12) có đoạn viết: "Vì không có tượng Phật cho đến thờ Ten [kai] mà tổ tiên chúng tôi đã xây dựng nên chúng tôi đã cử Chánh sứ Fusuku và Phó sứ Sai Kei cùng những người khác trình lên Đức ngài khả kính thư và tặng vật. Chúng tôi từng mong có được một bộ *Daizokyo* để họ mang về nước... Trong một thời gian dài hai nước chúng ta không có thông tin gì của nhau... Gần đây do việc

xây dựng đền thờ Kokoku-ji (Hưng Quốc tự)... Nhân có thuyền Nhật Bản đến tệ quốc, chúng tôi cử Chánh sứ Ryo Ko, Phó sứ Ryo Chin và những người khác tới Quý quốc cùng với thư và tặng vật. Chúng tôi mong muốn có bộ *Daizokyo*. Xin gửi tới quốc vương tôn kính tình cảm chân thành nhất của chúng tôi..." (7).

Như vậy, cùng với những quan hệ kinh tế và ngoại giao thì một nội dung quan trọng trong bang giao giữa hai nước là việc Ryukyu chủ trương tiếp nhận những ảnh hưởng và tư tưởng Phật giáo từ Triều Tiên. *Thông qua việc tiếp nhận những giá trị tư tưởng, tôn giáo và các di sản văn hóa khác từ đại lục Trung Hoa, Ryukyu đã có thêm những cơ sở và điều kiện cần thiết để chấn hưng văn hóa, phát triển tôn giáo và nền học thuật của đất nước*. Điều chắc chắn là, qua việc tiếp nhận Phật giáo, Ryukyu còn muốn tiếp nhận những di sản và thành tựu văn hóa từ lục địa Trung Hoa với vị thế là một trung tâm văn minh đã phát triển đến trình độ cao. Do vậy, có thể cho rằng tuy các bản kinh Phật, tượng Phật không phải là sản phẩm thương mại nhưng một trong những "động lực chủ yếu trong quan hệ giao thương giữa Ryukyu với Triều Tiên là việc tiếp nhận các bức tượng Phật" (8).

Là hai nước thần thuộc của Trung Quốc, theo chu kỳ cống nạp, Ryukyu và Triều Tiên đều cử các sứ đoàn sang Bắc Kinh (9). Tại kinh đô Trung Quốc, ngoài nghi lễ ngoại giao các sứ đoàn còn có nhiều dịp trao đổi, đàm đạo và tiếp giao văn hóa. Qua đó sự hiểu biết giữa hai dân tộc cũng như với các quốc gia trong khu vực được tăng cường. Mặt khác, qua những cuộc tiếp xúc ngoại giao, sứ bộ các nước cũng hiểu được chủ trương, thái độ của triều đình Bắc Kinh cùng những toan tính của chính quyền Edo (1600-1868) với khu vực. Có thể khẳng định rằng, những nhận thức và thông tin thu nhận được qua các tiếp xúc ngoại giao tại triều đình Trung Quốc đã giúp cho các nước có được phương cách ứng xử phù hợp với những chuyển biến của khu vực.

Thông qua các văn thư trao đổi giữa Ryukyu với Triều Tiên chúng ta thấy số lượng và chủng loại hàng hóa trao đổi giữa hai nước đa dạng và phong phú hơn rất nhiều so với quan hệ giữa Ryukyu và các quốc gia Đông Nam Á khác. Cũng trong bức thư năm 1467, Triều Tiên đã gửi biếu Ryukyu 10.000 súc vải bông, 2.000 súc tơ. Đây là một hiện tượng đặc biệt bởi đó là món quà quá lớn so với số quà mà Triều Tiên thường tặng các quốc gia khác kể cả Trung Quốc và Nhật Bản. Theo đó, một quan chức cao cấp trong triều đình Choson là đại thần Yang Song-ji (Lương Thành Chi) đã phản đối số lượng tặng vật lớn như vậy và khuyên chỉ nên biếu 1.000 súc bông và 500 súc lụa mà thôi (10).

Trong quan hệ giữa hai nước, tặng vật của Ryukyu gửi đến Triều Tiên thường là những sản vật buôn bán với Nhật Bản thông qua các lãnh chúa ở miền Nam nước Nhật (11). Về chủng loại quà tặng, tặng vật của Ryukyu thường tập trung vào 4 nhóm chính: Vải lụa, gốm sứ, lưu huỳnh, quạt và vũ khí (mà chủ yếu là kiếm). Đối với Triều Tiên, mặt hàng và quà tặng thường xuyên là nhân sâm (12). Ngoại trừ năm 1627, loại đặc sản nổi tiếng này của Triều Tiên luôn thấy xuất hiện trong danh mục quà tặng của sứ đoàn. Bên cạnh vải lụa, gốm sứ cũng là tặng phẩm quan trọng của Ryukyu. Chỉ riêng gốm sứ các loại dùng để biếu Choson cũng có một số chủng loại: Bình men ngọc to, bình men ngọc nhỏ và bát men ngọc. Như vậy, so với vải lụa, nhóm tặng vật gốm sứ nhìn chung chỉ gồm ba loại. Trong điều

kiện chưa thể chủ động sản xuất được những sản phẩm cao cấp đạt giá trị thương mại quốc tế hay dùng làm quà biếu cho các hoạt động ngoại giao, chắc chắn Ryukyu đã phải chủ động mua, thậm chí đặt hàng từ các cơ sở sản xuất nổi tiếng ở Đông Bắc Á. Riêng mặt hàng gốm sứ, Ryukyu có thể đã chủ yếu nhập hàng từ những lò gốm nổi tiếng Trung Quốc. Trên các đoàn thuyền buôn từ Đông Nam Á trở về nước, thương nhân đảo quốc này thường mang về thị trường Đông Bắc Á hai sản phẩm chính là gỗ nhuộm vải, hương liệu và lâm sản.

Cũng xuất phát từ nhu cầu có được những sản phẩm hàng hóa khác lạ nên vào giữa thế kỷ XV, thương nhân Nhật Bản đã thiết lập cơ sở thương mại ở Hakata, Tsushima và Kyushu. Điều đáng chú ý là do tác động của chính sách đóng cửa với Nhật Bản của nhà Minh cũng như những vướng mắc trong quan hệ với Triều Tiên, giới doanh thương Nhật Bản thường phải cử một số sứ đoàn dưới danh nghĩa "Phái bộ của triều đình Ryukyu" để đến Triều Tiên buôn bán. Theo đó, từ cuối năm 1460, người Nhật đã cố gắng dự nhập vào "Hệ thống cống nạp" thông qua những "Phái đoàn Ryukyu". Bằng cách đó, một mặt Nhật Bản muốn trực tiếp nhập về những sản phẩm từ Trung Quốc, thậm chí từ phương Nam, mặt khác dưới danh nghĩa sứ thần của triều đình Ryukyu, họ có thể đi theo sứ đoàn Ryukyu chính thống đến Triều Tiên để buôn bán và thiết lập các mối quan hệ kinh tế. Nhờ đó, lưu lượng hành hóa từ nhiều nơi đã được đưa đến Triều Tiên (trong số đó có con đường thương mại từ phương Nam qua Ryukyu và Satsuma, đến Hakata rồi mở rộng sang Tsushima và chặng cuối là Triều Tiên). Nhà nghiên cứu Kenneth Robinson đã có lý khi cho rằng "Seoul và ba thương cảng mở là trong số những trung tâm thương mại nhộn nhịp bậc nhất ở Đông Bắc Á vào thế kỷ XV và XVI" (13).

Theo kết quả khảo cứu thì từ năm 1426, vua Ryukyu đã ban hành các văn bản có con dấu của nhà nước và cấp giấy phép chính thức cho các phái đoàn "thượng Kinh" và đến Đông Nam Á. Trong các giấy phép đó đều ghi rõ thành phần cũng như số lượng thành viên. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, đối với các sứ đoàn sang Triều Tiên nguyên tắc đó đã không được thực thi triệt để. Điều hiển nhiên, chính quyền Triều Tiên biết rõ những uẩn khúc đó và tình thế tiến thoái lưỡng nan của Ryukyu trong quan hệ khu vực. Để bày tỏ sự trung thực, chính quốc vương Ryukyu là Sho Toku cũng phải gửi đến Triều Tiên văn thư để giải thích về tình trạng mạo danh của một số thương nhân Nhật Bản: "Chúng tôi cũng nghe thấy rằng những người từ hòn đảo xa xôi hẻo lánh của nước chúng tôi đã giả mạo văn thư, nhiều hay ít, và giả vờ rằng họ có những công văn từ Nhật Bản, vì thế đã khiến cho các quan chức của Quý quốc hoài nghi. Chúng tôi đã không biết điều này. Bởi vậy, chúng tôi mạnh dạn yêu cầu Quý quốc tin ở chúng tôi và không nhận các văn thư sai phạm đó" (14). Điều đáng chú ý, ngay cả trong bức quốc thư mang tính chất "bí mật quốc gia" đó cũng lại do chính Nobushige, một người Nhật Bản, mang sang cùng với phái bộ trình lên quốc vương Choson. Ngoài những khía cạnh chính trị thì cũng có thể nhận thấy, một trong những mục đích trong bức thư mà Nobushige trình lên là yêu cầu phía Triều Tiên tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ buôn bán ở cấp độ cao nhất, tức cấp quốc gia giữa Ryukyu với Triều Tiên và như vậy Nhật Bản cũng thu được những lợi ích trong sự phát triển của mối quan hệ đó.

3. Quan hệ ngoại giao và chính trị Ryukyu - Triều Tiên

Như đã trình bày ở trên, quan hệ ngoại giao giữa Ryukyu và Triều Tiên được thiết lập từ cuối thế kỷ XIV. Tuy nhiên, ngay từ đầu mối quan hệ đó bị tác động mạnh mẽ bởi điều kiện an ninh và kinh tế khu vực. Vào thời gian đó, cùng với những hệ quả của các cuộc xung đột quân sự thì tình trạng hoành hành của hải tặc (*Wako*, Hòa khấu), cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho quan hệ giữa Nhật Bản với các quốc gia khu vực trở nên hết sức căng thẳng. Nhiều toán cướp từ vùng biển Nhật Bản (*Nihon kai*) đã tổ chức các cuộc tấn công và cướp phá quy mô lớn dọc theo duyên hải Triều Tiên và Trung Quốc. Mặc dù chính quyền các nước đã có nhiều biện pháp để phòng nhưng các đoàn cướp vẫn thực hiện những hành động rất dã man đối với thương nhân buôn bán trên biển cũng như cư dân vùng duyên hải.

Bên cạnh đó, quan hệ Ryukyu - Triều Tiên cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong việc giải quyết số phận của những người đắm thuyền. Tuy nhiên, dưới tác động của những chuyển biến chính trị và kinh tế khu vực, các thương nhân Triều Tiên, Ryukyu cũng đã từng bước xúc tiến hoạt động buôn bán. Các mối quan hệ kinh tế đó đã góp phần thúc đẩy quan hệ ngoại giao giữa hai nước và nhiều tặng phẩm của Ryukyu rất được ưa chuộng tại triều đình Choson. Về phần mình, để có được những sản vật từ phương Nam đồng thời duy trì sự liên kết với các quốc gia khu vực, Triều Tiên hiểu rõ tầm quan trọng trong quan hệ với Ryukyu và cũng có nhiều nỗ lực nhằm củng cố quan hệ với nước này.

Là những quốc gia thần thuộc Trung Quốc và đều nhận thức rõ vị trí của Nhật Bản nên trong một thời gian dài, hai nước đã khá thành công trong các bước đi ngoại giao và qua đó cũng làm thỏa mãn nhu cầu mở rộng thương mại của giới thương nhân bản địa. Với mục tiêu trọng tâm là phát triển kinh tế hải thương và xác lập quan hệ mật thiết với các nước lớn trong khu vực nên chính quyền Ryukyu đã cố gắng củng cố quan hệ với nhà Minh và cả với triều đình Nhật Bản, Triều Tiên. Vào thế kỷ XV-XVI, Ryukyu muốn vươn lên trở thành một "cường quốc thương mại" của khu vực. Hiểu rõ những lợi thế nhất định của Ryukyu, trong quan hệ với nước này, các sứ đoàn được cử đến thành Shuri của Triều Tiên nhìn chung đều tập trung vào việc thực thi 4 nhiệm vụ cơ bản: 1. *Tham dự các nghi lễ chúc mừng*; 2. *Thương thuyết để hồi hương người Triều Tiên*; 3. *Tặng các bức tượng Phật*; Và, 4. *Nắm tình hình của Nhật Bản và xác minh sự chính xác của phái bộ đến từ Ryukyu* (15).

Như vậy, về danh nghĩa sứ mệnh của các phái bộ Triều Tiên ở Ryukyu chỉ được đặt ra một cách khiêm tốn. Triều Tiên hiểu rõ Trung Quốc luôn là trung tâm quyền lực lớn nhất khu vực (16). Chủ trương, chính sách của "thiên triều" là nhân tố tác động thường xuyên và mạnh mẽ đến bầu chính trị khu vực cũng như mối quan hệ song phương giữa các quốc gia. Tuy nhiên, trong quan hệ với Ryukyu, Nhật Bản... nhà Minh không thể can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của các nước một khi các nước này không chống lại Trung Quốc và không làm phương hại đến uy danh của Trung Quốc. Theo đó, "Trung Quốc hoàn toàn không hề muốn can thiệp mạnh mẽ vào công việc nội bộ của *Chuzan*. Nhà Minh hài lòng trong quan hệ với Ryukyu và điều đó có nghĩa rằng Trung Quốc bảo vệ cho các quan hệ đó; về phần mình Ryukyu đã được hưởng nhiều lợi ích từ quan hệ ngoại thương phát

triển cũng như biết bao tặng vật từ một nền văn minh đã đạt đến trình độ phát triển cao" (17).

Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ XVI, chủ trương bành trướng sang các nước trong khu vực của Nhật Bản cũng tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại và quan hệ kinh tế của nhiều nước Đông Á. Tháng 10-1591, để chuẩn bị đưa quân sang xâm lược Triều Tiên, theo lệnh của chủ tướng Nhật Bản Toyotomi Hideyoshi (1542-1598), người đứng đầu lãnh địa Satsuma là Shimazu Yoshihisa (1533-1611) đã gửi thư yêu cầu quốc vương Ryukyu là Sho Nei (cq: 1589-1620) chuẩn bị và cung cấp lương thực cho quân đội Nhật dủ dùng cho 7.000 người trong vòng 10 tháng. Số lương thực đó chậm nhất đến tháng 2-1592 phía Ryukyu phải chuẩn bị xong. Trước yêu cầu trịch thượng mang tính chất "tối hậu thư" đó của Nhật Bản, trước những khó khăn trong nước và không thể tự ý phá vỡ thế cân bằng chính trị cùng các mối quan hệ bang giao truyền thống, chính quyền Ryukyu đã tìm cách từ chối đề nghị của Nhật Bản. Việc triều đình thành Shuri không chấp thuận yêu cầu đó đã dẫn đến những phản ứng ngược chiều về "Vấn đề Ryukyu" trong đối sách của Nhật Bản và Triều Tiên. Điều hiển nhiên, Hideyoshi hết sức phẫn nộ vì mệnh lệnh không được tuân thủ và sự "thoái thác trách nhiệm" đó của Ryukyu đã tạo nên một tiền lệ "chống đối" của chính quyền thành Shuri đối với Nhật Bản. Nhưng mặt khác, quyết định "hòa hoãn" đó đã tạo nên mối thiện cảm đặc biệt trong quan hệ giữa vương triều Choson với Ryukyu. Trong một bức thư gửi cho quốc vương Ryukyu năm 1601, triều đình Choson nhấn mạnh: "Quý quốc đã chuẩn bị một món quà và bức thư biểu thị tình cảm của Quý quốc và cũng thông tin về cái chết của tên thủ lĩnh phiến loạn (chỉ Hideyoshi). Chúng tôi không biết dùng từ nào để diễn đạt tình cảm biết ơn của chúng tôi đối với sự giúp đỡ và sự sáng suốt của Quý quốc. Lầm lỗi của bọn phản nghịch tăng thêm, hành động sai trái đã tích tụ lại và Thiên triều đã giáng xuống đầu chúng, đó là một sự trừng phạt. Đó không chỉ là ân huệ đối với cả hai nước chúng ta mà còn với cả thiên hạ. Quân đội Thiên triều đã bắt giữ những tên phiến loạn và đuổi chúng ra biển khơi xa xôi" (18).

Đầu thế kỷ XVII, dưới sự chỉ đạo của Mạc phủ Edo, là một lãnh địa ở miền Nam Nhật Bản vốn có nhiều mối liên hệ mật thiết với Ryukyu, Satsuma đã được giao nhiệm vụ đóng vai trò chủ yếu trong việc xác lập quan hệ chính trị, thương mại với Ryukyu. Quyết định đó của chính quyền Edo luôn tính đến những yếu tố truyền thống và vị thế chính trị, kinh tế đặc thù của lãnh địa này. Nó thể hiện tầm nhìn an ninh và kinh tế của chính quyền Edo đối với chủ quyền vùng đất phương Nam. Là một lãnh địa cực Nam Nhật Bản, phát triển tương đối biệt lập với các lãnh địa khác, từ năm 1395 những người đứng đầu vùng Shimazu (Satsuma) đã thiết lập mối giao lưu với Ryukyu và Triều Tiên. Đến năm 1504 đã có hơn 100 phái bộ ngoại giao của Satsuma đến Triều Tiên. Nhờ đó nhiều thương thuyền của Ryukyu đã có thể đến buôn bán ở Triều Tiên dưới danh nghĩa lãnh địa này. Vì vậy, quan hệ của Ryukyu với các lãnh chúa Nhật Bản cũng như với Triều Tiên phần nào chịu sự kiểm soát của chính quyền Kagoshima (Satsuma). Sau khi Nhật Bản chinh phục Ryukyu năm 1609, nhìn chung quan hệ của Ryukyu chịu sự chi phối của Mạc phủ Edo thông qua lãnh chúa ngoại dạng (*tozama daimyo*) Satsuma. Quyền chủ động ngoại giao cũng

như khả năng tham dự vào các hoạt động kinh tế khu vực của vương quốc Ryukyu nhìn chung đều do những đại diện mà lãnh chúa Satsuma cử đến thành Shuri chi phối (19).

Bên cạnh nhân tố Nhật Bản, quan hệ Ryukyu - Triều Tiên cũng bị tác động mạnh mẽ bởi quan hệ Trung Quốc - Triều Tiên. Sau khi nhà Thanh chinh phục Triều Tiên, việc trao đổi văn bản và quà tặng giữa Triều Tiên và Ryukyu diễn ra tại Hội Tùng quán (*Hui-t'ung-kuan*) ở Bắc Kinh (20). Những mối liên hệ truyền thống giữa hai nước giờ đây đã được thực thi theo cách thức và hệ thống khác. Từ giữa thế kỷ XVII, những con đường trước nay vốn là lộ đạo cống nạp của Ryukyu và Triều Tiên đã bị người Mãn khống chế vì vậy các đoàn cống nạp đã phải thay đổi lộ trình (21). Cùng với những thay đổi đó thì yếu tố thời gian và những khoản chi phí lớn cho suốt chặng đường dài dẫn đến kinh đô Trung Quốc cũng là nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ giữa Trung Quốc với các nước trong khu vực. Bên cạnh đó, chu kỳ cống nạp không phải bao giờ cũng được các nước thi hành nghiêm ngặt. Sau khi nhà Thanh lên cầm quyền năm 1644, chính quyền này về cơ bản vẫn giữ được vị thế của một cường quốc trong quan hệ đối ngoại. Do vậy, cùng với những lợi ích về kinh tế thì việc cử các sứ đoàn sang Trung Hoa là biểu thị rõ nhất thái độ chính trị và nhu cầu phát triển kinh tế của giới cầm quyền các quốc gia thần thuộc lúc đó và cũng chứng tỏ vị thế, tầm ảnh hưởng của các hoàng đế Trung Hoa đối với các thần quốc này.

4. Một vài nhận xét

a. Với tư cách là một đảo quốc và sớm có quan hệ thương mại với nhiều quốc gia ở khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á, trong vòng gần hai thế kỷ (từ cuối thế kỷ XIV đến XVI), vương quốc Ryukyu đã dự nhập mạnh mẽ vào hoạt động buôn bán châu Á tạo nên một Thời kỳ hoàng kim (*Golden Age*) cho sự phát triển trên nhiều phương diện của "*Vương quốc biển*" này. Sự phát triển đó của Ryukyu đã góp phần quan trọng làm nên sự phồn thịnh một thời của nền kinh tế hải thương khu vực. Là những nước thần thuộc Trung Quốc đồng thời là các quốc gia có vị thế nhất định trong khu vực nên có thể nói, hai nước Ryukyu và Triều Tiên có nhiều đặc điểm lịch sử tương đồng. Mặc dù chính sách đối ngoại của hai nước có những khác biệt nhất định nhưng đặt trong bối cảnh chung của đời sống chính trị khu vực ta thấy chính sách đối ngoại của Ryukyu và Triều Tiên được thực thi khá nhất quán, đó là *Thần phục Trung Quốc, duy trì và cải thiện quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng*.

b. Trước sự thâm nhập mạnh mẽ của các cường quốc châu Âu vào thị trường kinh tế khu vực, từ cuối thế kỷ XVI, Ryukyu đã từng bước tách khỏi mạch nguồn kinh tế Đông Nam Á và chỉ còn có thể phần nào duy trì quan hệ với các quốc gia khu vực Đông Bắc Á dưới tư cách là "trung gian thương mại". Trong quan hệ với Triều Tiên, thương nhân Ryukyu cũng không thể duy trì các mối liên hệ thường xuyên và mật thiết như trước. Nhưng Triều Tiên vẫn chú trọng quan hệ với Trung Quốc và ở mức độ nào đó là với Nhật Bản. Tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc "*sadae-kyorin*", nên trong các bước đi ngoại giao Triều Tiên luôn phụ thuộc khá nặng nề vào Trung Quốc. Triều Tiên không thể tự xây dựng cho mình một chính sách đối ngoại chủ động và năng động. Do vậy, mối quan hệ kinh tế vốn có giữa Triều Tiên với Đông Nam Á thông quan thương nhân Ryukyu cũng bị ngưng

trệ. Triều Tiên trở lại với *"Thế giới Trung Hoa"* và trong một ý nghĩa nào đó đã tự tạo dựng cho mình một thế giới riêng, tương đối biệt lập "mà một phần trong đó được đúc kết từ kinh nghiệm, sự tương tác qua lại và những khái niệm về Trung Hoa" (22).

c. Trong quan hệ giữa các quốc gia Đông Á, nhìn chung các đoàn thuyền cống nạp luôn đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ là ngoại giao và thương mại (23). Trong số những tặng vật mang theo đến kinh đô nhà Minh rồi nhà Thanh của các nước trong khu vực, luôn có nhiều hàng hóa chất lượng cao được dùng để cống nạp và cho cả các hoạt động giao thương. Bên cạnh đó, do những nguồn lợi lớn của kinh tế ngoại thương, nên song song với các quan hệ, giao lưu kinh tế chính thức giữa các quốc gia (*official trade*) cũng luôn có sự tồn tại của các hoạt động kinh tế "phi quan phương" do các thế lực địa phương hay tập đoàn kinh tế tư nhân thực hiện. Trong một ý nghĩa nào đó, các hoạt động kinh tế "phi quan phương" đó đã làm suy giảm thậm chí vô hiệu hóa chính sách hạn chế thương mại và các mối quan hệ kinh tế chính thống của một số quốc gia.

Do những áp lực chính trị, từ cuối thế kỷ XV, nhiều thương nhân Nhật Bản ẩn dưới danh nghĩa sứ đoàn Ryukyu thậm chí đã mạo danh công dân của vương quốc này để tiến hành các quan hệ kinh tế với Triều Tiên và Trung Quốc. Những chính sách ưu đãi thương nhân Ryukyu của Trung Quốc và Triều Tiên cũng như lợi ích kinh tế thu được (có khi gấp nhiều lần nguồn vốn ban đầu), sau các "chuyến đi cống nạp" đã góp phần làm sáng tỏ hiện tượng xuất hiện khá thường xuyên của người Nhật Bản trong và dưới danh nghĩa phái bộ Ryukyu. Tuy nhiên, cùng với các mối quan hệ kinh tế không ngừng được mở rộng thì những thông tin và nhận thức về khu vực của mỗi quốc gia cũng từng bước được tăng cường và trở nên xác thực hơn. Cũng cần phải nói thêm rằng, trước chủ trương "Cấm hải" của nhà Minh và chính sách "ủng hộ" Trung Quốc của Triều Tiên, đặt trong bối cảnh chính trị và sự tương quan thế lực giữa các quốc gia khu vực, Nhật Bản cũng ngày càng nhận thấy vị thế của mình và những hạn chế về tiềm năng trong việc phát triển kinh tế đất nước. Vì vậy, vào thế kỷ XVI, ở Đông Bắc Á đã dần nổi lên một trung tâm quyền lực mới được gọi là *"Thế giới Tokugawa"* bên cạnh *"Thế giới Trung Hoa"* truyền thống và Nhật Bản đã không ngừng nuôi dưỡng tham vọng chiếm đoạt một số khu vực lãnh thổ và thị trường rộng lớn của châu Á.

d. Sự sụp đổ của nhà Minh và thiết lập triều đại Mãn Thanh đã không chỉ làm biến động đời sống chính trị, xã hội Trung Quốc mà còn tác động sâu sắc đến môi trường kinh tế khu vực Đông Á. Thêm vào đó, sau cuộc chinh phục Ryukyu của Nhật Bản năm 1609, nhìn chung mối quan hệ truyền thống "chính thức, bình đẳng" giữa Ryukyu và Triều Tiên đã chấm dứt. Từ đó, Ryukyu chịu sự kiểm soát của Satsuma còn Triều Tiên được đặt dưới sự khống chế của nhà Thanh.

Là một *"Vương quốc biển"* nên lợi ích kinh tế từ các hoạt động hải thương giữ vị trí sống còn đối với đảo quốc Ryukyu. Nhưng, ngay cả trong thời kỳ hưng thịnh của hệ thống hải thương châu Á, mối bang giao và giao lưu kinh tế giữa Triều Tiên với Ryukyu vẫn phải gánh chịu áp lực nặng nề từ phía Trung Quốc. Nói cách khác, quan hệ hai nước luôn chịu sự chi phối của Chế độ cống nạp do Trung Quốc giữ vị trí trung tâm (*Sino-centric tribute system*). Trên thực tế, hai nước đã không thể thật sự chủ động và có toàn quyền trong chính sách đối

ngoại thậm chí cả việc ban hành và thực thi một số chính sách đối nội. Hơn thế nữa, Nhật Bản cũng là một nhân tố có tác động không nhỏ trong các mối quan hệ chính trị, kinh tế đa dạng, phức tạp của tứ giác kinh tế, quyền lực bao gồm: Trung Quốc - Nhật Bản - Triều Tiên và Ryukyu từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVII.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của vương quốc Ryukyu với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVI*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 (328) - 2003; và *Ryukyu trong quan hệ với Nhật Bản và Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 (329) - 2003.

(2). Như vua Sejong hay còn được gọi là "Quốc vương Sejong vĩ đại" (cq: 1418-1450) thành lập Chiphyonjong với mục đích nghiên cứu thể chế hành chính truyền thống cũng như kinh tế - chính trị. Tiếp nối là vua Sejo (cq: 1445-1468). Đây cũng là thời kỳ đánh dấu sự ra đời của chữ Hàn (*Han-gul*). Có thể xem thêm Young-Key Kim-Renaud (Ed.): *King Sejong the Great: The Light of 15th Century Korea*, Washington D.C, International Circle of Korean Linguistics, 1992; Và, Andrew C. Nahm: *Introduction to Korean History and Culture*, Hollym, Seoul, 1994, p.126-127; Hoặc Korea Institute - Harvard Unversity: *Korea Old and New - A History*, Ilchokak, Seoul, 1990, p. 122-125.

(3). Về chính sách này xem chuyên khảo của Hae-Jin Kang: *Diplomacy and Ideology in Japanese-Korean Relations, from the Fifteenth to the Eighteenth Century*, Ipswich Book Company, 1997.

(4). A. Kobata & M. Matsuda: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries*, p. 8-9. Ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh thêm về sự tồn tại của hệ thống "Thương mại triều cống" của các quốc gia chịu ảnh hưởng và là nước thần thuộc của Trung Quốc lúc đó. Tham khảo bài viết của Momoki Shiro: *Đại Việt và thương mại ở biển Đông từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Tạp chí Khoa học ĐH Quốc gia Hà Nội, chuyên san KHXH & NV, 2003. Trong công trình này tác giả đã coi "quan hệ triều cống" như một nhân tố kích thích sự phát triển thương mại cũng như ngoại giao giữa các nước láng giềng Trung Quốc. Xem thêm R. Bin Wong: *Transformations of East Asian Polities in Maritime East Asia: A Comparison of the Ryukyu Kingdom*, Taiwan and Korea, 1600-2000, Paper presented at Seascapes, Littoral Cultures and Trans-Oceanic Exchanges, Washiton D.C, 2003.

(5). Trong các nguồn sử liệu viết về Ryukyu, *Rekidai hoan* (Lịch đại bảo án) là bộ chính sử của vương quốc này. Đây là cuốn sử biên niên, có giá trị đặc biệt trong việc nghiên cứu các mối bang giao quốc tế của vương quốc Ryukyu với nhiều quốc gia châu Á thời kỳ trung đại. Đây là bộ sử có giá trị nghiên cứu lớn nhất về vương quốc Ryukyu được viết vào thế kỷ XVII-XIX. Khảo cứu những thông tin trong *Rekidai hoan* chúng tôi đã thống kê được trong 18 tư liệu liên quan đến quan hệ giữa Ryukyu và Triều Tiên giai đoạn từ năm 1431-1679 có 18 văn thư trao đổi. A. Kobata & M. Matsuda: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries*, Kawakita Printing Co., Ltd., Kyoto, Japan, 1969.

(6). Tuy nhiên theo hai tác giả A. Kobata và M. Matsuda thì đó rất có thể là một sự nhầm lẫn, đó là quà tặng năm 1462 chứ không phải năm 1467. Xem nội dung và chú thích của A. Kobata & M. Matsuda: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries*, Sdd, p. 15.

(7), (8), (18). A. Kobata & M. Matsuda, Sdd, p. 23-24, 6, 31.

(9). Để tránh nguy hiểm, trước mỗi chuyến đi biển xa, thương nhân, thuỷ thủ Ryukyu đều phải lựa theo con nước và điều kiện gió mùa. Gió mùa Đông - Bắc thổi từ tháng tám Âm lịch còn gió mùa Tây - Nam thì thổi từ tháng ba đến tháng bảy lịch trăng. Do đó, mùa đi biển thuận lợi là từ tháng tám đến tháng mười một và trở về vào tháng ba hoặc tháng tư năm sau. Chu kỳ cống nạp Trung Quốc cũng có một vài thay đổi như từ 2 năm /lần (1544), năm 1622 cho phép 5 năm cống nạp /lần, rồi 10 năm /lần từ năm 1645...

(10). Theo ông, Ryukyu là một nước nhỏ và xa xôi vì thế những lúc khó khăn cũng không thể mong chờ sự giúp đỡ từ phía Ryukyu. Thêm vào đó, địa vị kinh tế của Ryukyu cũng hạn chế nên không có gì phương hại với Triều Tiên nếu quan hệ thương mại với Triều Tiên suy giảm. Như vậy, nếu muốn củng cố quan hệ với các quốc gia khu vực thì nên đem số quà tặng lớn đó đến biếu Nhật Bản, một nước láng giềng cận kề hoặc biếu nhà Minh, một cường quốc trong khu vực. Nếu Triều Tiên đem một số lượng lớn tặng vật như vậy sang Ryukyu cũng sẽ bị nhà Minh chú ý hơn thế nữa nó cũng trái với quy định chung mà nhà Minh đã đề ra về việc hạn chế số lượng cống phẩm. Cuối cùng thì việc gửi biếu Ryukyu số quà lớn đó cũng sẽ làm gia tăng nguồn chi trong nước đồng thời làm giảm ngân khố quốc gia. *Thế Tông thực lục*, tập 33, dẫn theo A. Kobata & M. Matsuda: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries*, Sdd, p. 15-16; hay Momoki Shiro, sdd, tr. 17-21.

(11). Trong thời gian đầu những hàng hóa từ phương Nam có mặt ở Nhật Bản được đưa đến từ Ryukyu qua Kyushu, rất ít trường hợp các thương thuyền của Ryukyu đến buôn bán ở Nhật Bản; trong khi đó nhiều đoàn thuyền buôn lớn của Nhật Bản được lệnh đến Ryukyu để mua về các sản phẩm từ phương Nam.

(12). Các mặt hàng nhập từ ba khu vực chính là: Nhật Bản, Trung Quốc và Đông Nam Á. Riêng Đông Nam Á, đó là các sản phẩm nổi tiếng: sừng tê (từ châu Phi), nghệ (Ấn Độ), hắc hương, cây dầu lô hội (Ấn Độ, Đông Nam Á), gỗ nhuộm vải (Sumatra, Campuchia), hay gia vị, xạ hương, thuốc chữa bệnh và thuốc nhuộm... xem James B. Lewis: *Frontier Contact between Choson Korea and Tokugawa Japan*, RoutledgeCurzon, New York, 2003, pp. 89-90.

(13). Kenneth R. Robinson, "Polities of Practicality: The Court's Choson Regulation of Contact with Japanese and Jurchen, 1392-1580s" (unpublished dissertation, University of Hawaii), 1977, p. 79; dẫn theo James B. Lewis: *Frontier Contact between Choson Korea and Tokugawa Japan*, RoutledgeCurzon, New York, 2003, p. 90.

(14), (15), (22). Kenneth R. Robinson: *Centering the King of Choson: Aspects of Korean Maritime Diplomacy, 1392-1592*, in *The Journal of Asian Studies*, 59, no.1 (February 2000), pp. 116, 110, 122.

(16). Hae-Jin Kang: *Diplomacy and Ideology in Japanese-Korean Relations, from the Fifteenth to the Eighteenth Century*, Ipswich Book Company, 1997, p. 226.

(17). Goerge H. Kerr: *Okinawa - The History of an Island People*, Charles E. Tuttle Company, Tokyo, Japan 1960, p. 78.

(19). Satsuma đề ra 15 điều quy định, trong đó Điều 1 và Điều 6 quy định: "Không cho phép bất cứ một thương nhân Ryukyu nào được thực hiện các quan hệ buôn bán mà lại chưa được sự chấp nhận bằng văn bản của Satsuma". Goerge H.Kerr: *Okinawa - The History of an Island People*, Charles E. Tuttle Company, Tokyo, Japan 1960, p. 162.

(20). Xem thêm Ha Woo Bong: *Cultural Interaction between Korea and Vietnam in the Choson Period: Intellectual Exchange between Envoys from Choson and Vietnam through Letters and Poems*, at Workshop on Northest Asia in Maritime Perpective: A Dialogue with Southest Asia, Okinawa, Japan 29-30 October 2004.

(21). Theo *Minh sử* , năm 1621 các sứ đoàn cống nạp Triều Tiên đã phải vượt biển từ Tengchou (Đăng Châu) từ đó đi thẳng tới Bắc Kinh. Và từ đó trở về sau, con đường thường dùng xuất phát từ Uisap'o (Nghi Sa Phổ) của Uich'on (Nghi Châu) ở phía Nam tỉnh P'yongan (Bình An) của Triều Tiên rồi vượt biển tới Tengchou (Đăng Xuyên) ở Shangtung (Sơn Đông), và từ Đăng Xuyên đi đường bộ tới Bắc Kinh. Năm 1627, người Triều Tiên lại thay đổi lộ trình cảng xuất phát từ Uisap'o tới Soktasan (Thạch Đa Sơn) ở huyện Chungsan, và đến năm 1629 điểm đến của các sứ thuyền thay đổi từ Đăng Xuyên chuyển đến Liêu Đông và Ningyuanwei. A. Kobata & M. Matsuda: *Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries*, p. 41-42.

(23). Một số học giả cho rằng, trên thực tế, trong quan hệ với Bắc Kinh, nhiều nước luôn duy trì 3 loại thuyền là *shinko sen* (thuyền triều cống), *kansen* (thuyền ngoại giao) và *sekko sen* (thuyền buôn).